TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Trang

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28-8-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-7-2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh ngày 01-01-1977; địa chỉ nơi cư trú: Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01-01-1973; địa chỉ nơi cư trú: Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện (không đề ngày tháng năm), đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt đề ngày 31-7-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày cho rằng Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (số 197 ngày 19-9-2014). Vài năm gần đây Ông Nguyễn Thanh T2

không đi làm, không phụ giúp việc nhà trong gia đình, thường xuyên nhậu, mọi chi phí trong gia đình một mình Bà Huỳnh Thị Thu T đi làm và lo toan, Bà Huỳnh Thị Thu T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng Ông Nguyễn Thanh T2 không thay đổi, vợ chồng đã nhiều lần tranh cãi với nhau; từ năm 2024 đến nay, Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 đã sống ly thân; hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà Huỳnh Thị Thu T yêu cầu xin ly hôn với Ông Nguyễn Thanh T2. Về con chung giữa Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Tiền E (sinh ngày 03-8-2011) đang sống cùng Bà Huỳnh Thị Thu T; khi ly hôn Bà Huỳnh Thị Thu T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Ông Nguyễn Thanh T2 không phải cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung, nợ chung giữa Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đồng thời, Bà Huỳnh Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, Bà Huỳnh Thị Thu T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Nguyễn Thanh T2 vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Huỳnh Thị Thu T được ly hôn với Ông Nguyễn Thanh T2; về con chung, tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E (sinh ngày 03-8-2011) cho Bà Huỳnh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho Ông Nguyễn Thanh T2 không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con chung, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị Thu T là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn Ông Nguyễn Thanh T2 cư trú Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ (kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng) thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, Bà Huỳnh Thị Thu T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Nguyễn Thanh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 19-9-2014 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng Bà Huỳnh Thị Thu T vẫn kiên quyết xin ly hôn; Ông Nguyễn Thanh T2 nhận văn bản tố tụng thông báo về yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị Thu T đối với ông nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; qua xác minh địa phương Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn giữa Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình… theo quy định tại Điều 17 - Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình… là vi phạm nghiệm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét Bà Huỳnh Thị Thu T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày giữa Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2 có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Tiền E (sinh ngày 03-8-2011) đang sống cùng Bà Huỳnh Thị Thu T; khi ly hôn Bà Huỳnh Thị Thu T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Ông Nguyễn Thanh T2 không phải cấp dưỡng cho con chung; Ông Nguyễn Thanh T2 không có ý kiến gì về vấn đề con chung gửi đến Toà án; qua nguyện vọng của cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E muốn tiếp tục sống cùng mẹ ruột là Bà Huỳnh Thị Thu T; qua xác minh địa phương Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn tranh chấp nuôi con giữa Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2. Xét thấy, để tránh xáo trộn cuộc sống hàng ngày của cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E, Bà Huỳnh Thị Thu T và Ông Nguyễn Thanh T2, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E cho Bà Huỳnh Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của Bà Huỳnh Thị Thu T, Ông Nguyễn Thanh T2, cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E và đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Nguyễn Thanh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu về cấp dưỡng cho con chung; Ông Nguyễn Thanh T2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thu T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Thanh T2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2025); khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Thu T với bị đơn Ông Nguyễn Thanh T2:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu T được ly hôn với Ông Nguyễn Thanh T2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 19-9-2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng {nay là Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Cần Thơ}).

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Tiền E (sinh ngày 03-8-2011) cho Bà Huỳnh Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; Ông Nguyễn Thanh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu; Ông Nguyễn Thanh T2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Thanh T2 không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001725 ngày 29-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ {khu vực 8}).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8-Cần Thơ;
- THADS TPCT (khu vực 8);
- UBND xã/phường đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kiều Oanh